

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 256/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 13/8/2020

“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Nô;

2. Bà Nguyễn Thị Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2020/QĐXXST-HN ngày 26 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 192/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22/7/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kim C, sinh năm 1987; Địa chỉ: Tổ 21, khóm Long Thạnh A, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1974; Địa chỉ: Tổ 16, ấp P, xã V, thị xã C, tỉnh An Giang.

Chị Kim C có mặt tại phiên tòa; Anh Thi vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Kim C trình bày: Năm 2005, chị C và anh Nguyễn Văn Th do mai mối, được gia đình chấp thuận tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu (nay là Ủy ban nhân dân phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu), tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 111/KH, quyển số I/2007, ngày 24/4/2007.

Sau lễ cưới, chị C và anh Th ở nhà riêng tại tổ 21, khóm Long Thạnh A, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Th cờ bạc, rượu chè, không quan tâm chăm lo vợ con. Chị C nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh Th không thay đổi dẫn đến cãi nhau. Năm 2019, chị C khởi đơn kiện xin ly hôn, anh Th hứa sẽ sửa chữa, thay đổi để hàn gắn tình cảm và chăm sóc các con chung nhưng sau đó không thay đổi, không quan tâm đến vợ con. Chị C và anh Th sống xa nhau từ tháng 4/2018 cho đến nay. Chị C yêu cầu ly hôn với anh Th.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị C và anh Th có 02 con chung tên Nguyễn Thành C, sinh ngày 21/5/2006 và Nguyễn Ngọc Tú Q, sinh ngày 09/9/2018. Chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy 02 con chung, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lời khai, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn Th trình bày: Thống nhất về thời gian, điều kiện đi đến hôn nhân, quá trình chung sống của vợ chồng như chị C trình bày. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 13 năm. Tháng 4/2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về kinh tế, thường cãi nhau. Đôi khi anh Th có rượu chè, cờ bạc nhưng vẫn lo cho gia đình. Năm 2019, C có khởi đơn xin ly hôn, sau hòa giải của Tòa án thì C rút đơn khởi kiện. Sau đó, nhiều lần Th có điện thoại nhưng C không nghe nên không hàn gắn tình cảm. Nay Th đồng ý ly hôn với C.

Về con chung, anh Th và chị C có 02 con chung tên Nguyễn Thành C, sinh ngày 21/5/2006 và Nguyễn Ngọc Tú Q, sinh ngày 09/9/2018.

Anh Th đồng ý giao cháu Q cho C tiếp tục nuôi dạy vì cháu Q chưa đủ 36 tháng tuổi. Đối với cháu C tùy theo nguyện vọng của cháu, anh Th không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải về tình cảm và con chung giữa các đương sự nhưng không thành.

Biên bản xác minh Ban ấp Phú An A, xã Phú Vĩnh: Chị Lê Thị Kim C và anh Nguyễn Văn Th là vợ chồng, có đăng ký kết hôn. Khoảng năm 2018 đến nay, chị C và anh Th có mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng hiện nay không còn sống chung. Nguyên nhân do anh Th thường hay uống rượu, say xỉn, không quan tâm đến cuộc sống gia đình và vợ con.

Biên bản xác minh Ban khóm Long Thạnh A, phường Long Thạnh: Chị Lê Thị Kim C và anh Nguyễn Văn Th có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu. Khoảng giữa năm 2019, chị C có khởi kiện xin ly hôn anh Th nhưng sau đó chị C rút đơn khởi kiện. Sau vài tháng, anh Th đi làm và không sống chung với chị C tại khóm Long Thạnh A, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu. Anh Th và chị C có 02 con chung tên: Nguyễn

Thành C, sinh ngày 21/5/2006 và Nguyễn Ngọc Tú Q, sinh ngày 09/9/2018. Hiện 02 con chung do chị C trực tiếp nuôi dạy, chị C có nơi ở và có thu nhập ổn định khoảng 3.000.000 đồng/tháng. Cháu C phụ quán cà phê (nước giải khát), thu nhập khoảng trên 2.000.000 đồng/tháng.

Tại phiên tòa, anh Th vắng mặt, chị C yêu cầu ly hôn với anh Th; Yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy 02 con chung.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hôn nhân của chị C và anh Th là hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị C và anh Th phát sinh mâu thuẫn không hàn gắn được và sống xa nhau từ năm 2018 cho đến nay. Chị C yêu cầu ly hôn với anh Th, biên bản lời khai anh Th đồng ý ly hôn với chị C và đồng ý giao các con chung cho chị C nuôi dạy, không cấp dưỡng nuôi con chung.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Kim C được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.

Về con chung: Chị Lê Thị Kim C được tiếp tục nuôi dạy Nguyễn Thành C, sinh ngày 21/5/2006 và Nguyễn Ngọc Tú Q, sinh ngày 09/9/2018; Anh Nguyễn Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Về án phí: Chị Lê Thị Kim C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Chị Lê Thị Kim C khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Th. Anh Th có nơi cư trú: Tổ 16, ấp P, xã V, thị xã C, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Nguyễn Văn Th được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2005, chị Lê Thị Kim C và anh Nguyễn Văn Th do mai mối, được gia đình chấp thuận tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu (nay là Ủy ban nhân dân phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu), tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 111/KH, quyển số I/2007, ngày 24/4/2007 nên hôn nhân giữa chị C và anh Th là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị C khai, chị và anh Th phát sinh mâu thuẫn là do anh Th cờ bạc, rượu chè, không quan tâm chăm lo vợ con, nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được. Năm 2019, chị C có khởi đơn kiện và sau đó rút đơn kiện để anh Th sửa chữa, thay đổi hành vi nhưng anh Th không thực hiện được. Chị C và anh Th sống xa nhau từ tháng 4/2018 cho đến nay. Chị C kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.

Biên bản lời khai ngày 08/6/2020, anh Th khai có uống rượu, cờ bạc, nhưng vẫn lo cho gia đình. Tháng 4/2018, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về kinh tế, thường cãi nhau. Anh Th đồng ý ly hôn với chị C.

Thời gian chị C và anh Th sống xa nhau, chị C và anh Th đã hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Chị C và anh Th không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mỗi người có cuộc sống riêng. Tình trạng vợ chồng chị C và anh Th đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị C và anh Th thống nhất thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật. Xét, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Kim C và anh Nguyễn Văn Th theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Biên bản lời khai anh Th, bản tự khai chị C đồng thống nhất trong thời kỳ hôn nhân chị C và anh Th có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thành C, sinh ngày 21/5/2006 và Nguyễn Ngọc Tú Q, sinh ngày 09/9/2018.

Chị C yêu cầu được nuôi dạy 02 con chung, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Biên bản lời khai ngày 08/6/2020, anh Th đồng ý giao cháu Q cho chị C tiếp tục nuôi dạy vì cháu Q chưa đủ 36 tháng tuổi. Đối với cháu Công tùy theo nguyện vọng của cháu; Anh Th không cấp dưỡng nuôi con chung.

Biên bản xác minh Ban khóm Long Thạnh A, phường Long Thạnh: Hiện 02 con chung do chị C trực tiếp nuôi dạy tốt, chị C có thu nhập ổn định.

Biên bản lời khai Nguyễn Thành C, cháu có nguyện vọng sống với mẹ C.

Chị C yêu cầu được nuôi dạy 02 con chung tên Nguyễn Thành C, sinh ngày 21/5/2006 và Nguyễn Ngọc Tú Q, sinh ngày 09/9/2018, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị C và anh Th khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị C phải chịu 300.000 án phí, nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Th không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim C.

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Kim C được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.

Giấy chứng nhận kết hôn số 111/KH, quyển số I/2007, ngày 24/4/2007, do Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu (nay là phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu), tỉnh An Giang cấp cho chị Lê Thị Kim C và anh Nguyễn Văn Th không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Chị Lê Thị Kim C được tiếp tục nuôi dạy 02 con chung tên: Nguyễn Thành C, sinh ngày 21/5/2006 và Nguyễn Ngọc Tú Q, sinh ngày

09/9/2018. Anh Nguyễn Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lê Thị Kim C cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Văn Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Lê Thị Kim C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2017/0002494 ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Th hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Chị Kim C đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Văn Th không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của chị Lê Thị Kim C là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh Nguyễn Văn Th là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TX. Tân Châu (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Hội thẩm nhân dân (2);
- CC.THADS TX. Tân Châu (1);
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Bạch Tuyết

